TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2022/HS-ST
Ngày 23/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doanh Thiêm Vân;

Bà Hoàng Thị Huyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Việt và ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022, và các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ, ngày 24/01/2022 và Quyết định số 02/2022/HSST-QĐ ngày 22/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn N, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1984 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Kinh doanh lâm sản; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Văn S, sinh năm 1963 và bà Bàn Thị E, sinh năm 1968; Có vợ thứ nhất Sào Thị L, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2018) và 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2014. Bị cáo có vợ thứ hai là Ma Thị T, sinh năm 1987; Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 21/10/2020 bị Trạm Kiểm lâm Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ lâm sản (gỗ tự nhiên) trái phép, mức xử phạt 10.000.000 đồng, chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Chu Khánh L, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1980 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Triều T, sinh năm 1945 và bà Bàn Thị S, sinh năm 1955; Có vợ Lý Thị H, sinh năm 1978 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bàn Văn K, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1993 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Văn M(đã chết) và bà Bàn Thị G, sinh năm 1976; Có vợ Chu Thị L, sinh năm 2000 và 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Chu Văn T sinh ngày 02 tháng 6 năm 1980 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Khánh A, sinh năm 1957 (đã chết năm 2020) và bà Lý Thị C, sinh năm 1958; Có vợ Lý Thị X, sinh năm 1982 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Chu Khánh P, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1978 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Ứng T, sinh năm 1938 và bà Đặng Thị P, sinh năm 1945; Có vợ Lý Thị T, sinh năm 1988 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 2006, con thứ hai sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Đặng Văn P1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1980 tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn D, sinh năm 1958 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1957; Có vợ là Đặng Thị H, sinh năm 1982 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 2004, con thứ hai sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Giang S, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1955 tại huyện Na Rỳ, tỉnh Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc

Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công T và bà Lương Thị M (đều đã chết); Có vợ Hà Thị H, sinh năm 1959 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 1985, con thứ hai sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn P1, Chu Khánh P:*

+ Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Văng mặt có lý do.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn K, Chu Khánh L, Chu Văn T:*

+ Ông Lý Văn Trung - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

- *Nguyên đơn dân sự:*

+ Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng A - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Hà Tấn T - Chức vụ Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngân Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn – Đại diện hợp pháp: Chủ tịch: Bà Triệu Thị Kim T; Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn P - Chức vụ: Giám đốc Lâm trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Chu Hoàng D, sinh ngày 14/9/1990 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt;

+ Anh Lường Văn C, sinh ngày 10/10/1990 – Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt không có lý do;

+ Anh Bàn Văn C, sinh ngày 20/11/1985 – Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt;

+ Anh Bàn Văn C1, sinh ngày 18/7/1991 – Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt không có lý do;

+ Ông Đào Quang T, sinh ngày 27/01/1969 – Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt không có lý do;

+ Ông Chu Văn T, sinh ngày 22/10/1965 – Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Công chức. Vắng mặt có lý do;

+ Anh Chu Phúc T, sinh ngày 12/11/1993 – Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt không có lý do;

+ Anh Hà Anh D, sinh ngày 10/02/1979 – Địa chỉ: Lâm trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Cán bộ lâm trường. Có mặt;

+ Anh Hoàng Công T, sinh ngày 16/11/1978 – Địa chỉ: Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Thế V, sinh ngày 02/11/1980 – Địa chỉ: Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Công chức. Có mặt.

+ Ông Hoàng Ngọc Á, sinh ngày 22/7/1973 – Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Công chức. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Bế Văn C, sinh ngày 14/4/1979; Nghề nghiệp: Công chức – Địa chỉ: Đảng ủy xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Một ngày cuối tháng 6 năm 2020 tại nhà của Chu Khánh L, sinh năm 1980 ở thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Băc Kạn. Bàn Văn N, sinh năm 1984 trú tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đến gặp Chu Khánh L, Bàn Văn K (cùng sinh năm 1993), Chu Văn T (sinh năm 1980), Chu Khánh P (sinh năm 1978), Đặng Văn P1 (sinh năm 1980), Chu Hoàng D (sinh năm 1990) cùng trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn để bàn bạc, trao đổi việc khai thác tại khu rừng tự nhiên nằm giáp ranh giữa thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn và thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn để bán cho N. Để khai thác lấy được gỗ phải mở đường để vận chuyển gỗ, Niệm đồng ý ứng tiền trước để mở đường và sẽ trừ tiền vào số gỗ khai thác được bán cho Niệm. Sau đó Niệm liên lạc với Nguyễn Giang S, sinh năm 1955, trú tại tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn thuê máy xúc bánh xích nhãn hiệu KOBELCO SK 135SR màu xanh mở đường vào khu vực khai thác gỗ để vận chuyển gỗ. Việc lái máy xúc đàn đương làm theo chỉ dẫn phát tuyến của Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Khánh T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1. Nguyễn Giang S trực tiếp đến hiện trường để tiếp dầu, quản lý máy và chỉ đạo người lái máy xúc đào đường. San thuê 03 người lái máy là anh Lường Văn C, sinh năm 1986 trú tại xã Q, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn lái máy 03 ngày được trả tiền công là 900.000 đồng; Anh Bàn Văn C, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn lái máy 03 ngày được trả công là 900.000 đồng; Anh Bàn Văn C1, sinh năm 1990, trú tại xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn lái máy 2,5 ngày thì hoàn thành tuyến đường được trả công 700.000 đồng. Bàn Văn N đã trả đủ tiền thuê máy cho Nguyễn Giang S là 36.000.000 đồng.

Sau khi mở xong tuyến đường Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1, Chu Hoàng D tiến hành khai thác gỗ từ cuối tuyến đường trở ra, công cụ cắt gỗ là máy cưa xăng của K và của P, N ứng trước 7.000.000 đồng để mua một chiếc máy tời gỗ cho nhóm của L để kéo gỗ. Nhiệm vụ của K, P, T là dùng máy cắt cây gỗ đổ và cắt khúc, còn L, P1, D sử dụng máy tời kéo các khúc gỗ từ vị trí khai thác tập kết trên đường mới mở. Khi khai thác được gỗ, nhóm của L điện thoại báo cho N, sau đó Niệm thuê xe tắc tơ của Triệu Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại thôn S, xã T, huyện Ngân Sơn và xe ô tô tải biển kiểm soát 12H – 8589 của ông Bàn Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn đến vận chuyển gỗ về xưởng chế biến gỗ của N tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn và chở đến nhà ông Doanh Lâm C, sinh năm 1979 trú tại thông B, xã C, huyện Ngân Sơn. Đến ngày 16/10/2020, ông Hà Văn D cán bộ Lâm trường Ngân Sơn đi tuần tra rừng thì phát hiện việc đào đường, khai thác gỗ trái phép và báo cáo cơ quan chức năng. Ngày 10/11/2020, Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn kiểm tra phát hiện và tạm giữ 15,501m^3 gỗ Kháo thuộc nhóm VI tại nhà ông Doanh Lâm C, đây là số gỗ của C mua với Bàn Văn N.

Ngày 23 và 24/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định: Khu vực đào đường, khai thác lâm sản trái phép thuộc lô 5, khoản 1, tiểu khu 134; Lô 2, 3, ,5 khoảnh 2, tiểu khu 135 thuộc địa phận xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Lô 59, khoản 10, tiểu khu 124; Lô 17, 18, khoảnh 11, tiểu khu 124 thuộc địa phận xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là rừng sản xuất trạng thái tự nhiên, theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy hoạch 3 loại rừng của xã Thượng Quan và xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn. Riêng phần diện tích rừng trên địa phận xã Đức Vân, tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã giao đất cho Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn thuê đất với mục đích là " Đất rừng sản xuất ". Do đó, việc tuần tra bảo vệ rừng thuộc trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn, cụ thể là Lâm trường huyện Ngân Sơn.

Toàn bộ tuyến đường mở mới có chiều dài 2.495m. Tổng diện tích đất rừng bị tác động do hành vi sử dụng máy xúc đào đường là 8.889,5m^2 , trong đó:

- Đào đường qua rừng sản xuất, trạng thái đất trống là 1.585,7m^2 ;

- Đào đường qua rừng khoanh nuôi tái sinh chưa có trữ lượng là 820,80m^2 ;

- Đào đường qua rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên có trữ lượng là 6.483m^2 ;

Lường Văn C đào được 621m đường với tổng diện tích 2.212m^2 (trong đó có 820,80m^2 rừng khoang nuôi tái sinh chưa có trữ lượng; 1.410,1m^2 đất trống và 251,6m^2 rừng sản xuất tự nhiên);

Bàn Văn C đào được 1.202m với tổng diện tích 4.235m^2 (trong đó có 445,6m^2 đất trống và 3.789,4m^2 rừng sản xuất tự nhiên);

Bàn Văn C1 đào được 672m đường với tổng diện tích 2.442m^2 rừng sản xuất tự nhiên.

Hai bên tuyến đường có 561 gốc cây bị hạ, 1.468 khúc gỗ còn tại hiện trường với tổng khối lượng 157,849m^3. Cơ quan điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan và Lâm trường Ngân Sơn bảo quản.

Quá trình điều tra xác định:

Bàn Văn N là người khởi xướng bàn bạc để Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1, Chu Hoàng D đi khai thác gỗ rừng tự nhiên để bán cho N, ứng tiền trước thuê Nguyễn Giang S đào mở đường phục vụ việc khai thác, vận chuyển gỗ.

Các bị cáo L, K, T, P, P1 và bị can D thừa nhận được bàn với bị cáo N việc khai thác gỗ và nhất trí để N ứng tiền trước thuê máy đào ở đường và sẽ trừ vào tiền khai thác gỗ được bán cho N, trong đó các bị cáo L, K, T, P, P1 trực tiếp đi phát tuyến chỉ dẫn cho máy xúc đào đường. Thực tế các bị cáo L, T, K, P, P1 và bị can D đã khai thác gỗ giao cho Niệm và Niệm thừa nhận được nhận gỗ mọi người khai thác và trong đó bán 15,501m^3 gỗ kháo cho ông Doanh Lâm C, số tiền thu được từ bán gỗ tương ứng với số tiền N đã ứng trước thuê máy xúc đào đường.

Nguyễn Giang S thừa nhận được Bàn Văn N gọi điện thoại thuê máy xúc đào đường vào rừng tự nhiên, trực tiếp đến hiện trường quản lý và tiếp dầu cho máy xúc và nhận 36.000.000 đồng của bị cáo N.

Đối với Chu Hoàng D không trực tiếp phát tuyến, chỉ dẫn cho máy xúc đào đường nhưng thừa nhận được bàn bạc, thống nhất với Niệm việc đi khai thác gỗ rừng và nhất trí việc Niệm ứng tiền trước thuê máy xúc đào đường, sẽ trừ vào tiền bán gỗ Dcùng mọi người khai thác được cho N. Thực tế D cùng L, K, T, P, P1 đi khai thác gỗ bán cho N đã trừ đủ tương ứng số tiền N đã ứng trước thuê máy đào đường 36.000.000 đường. Do vậy, có đủ căn cứ xác định D chịu trách nhiệm trong việc tham gia hủy hoại rừng.

Trong vụ án xác định bị cáo Bàn Văn N là người khởi xướng bàn bạc việc để các bị cáo khác khai thác gỗ bán cho N và việc N ứng tiền thuê Nguyễn Giang S dùng máy đào mở đường để lấy gỗ, sẽ trừ vào tiền gỗ khai thác bán cho N. Còn việc phát tuyến chỉ dẫn cho máy xúc đào mở đường trái phép, dẫn đến hủy hoại rừng do các bị cáo khác tự thực hiện, không có sự bàn bạc, phân công cấu kết chặt chẽ. Do vậy, hành vi của bị cáo N và các bị cáo khác là đồng phạm có tính chất giản đơn, không cấu thành đồng phạm có tổ chức.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSTBK, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo về tội: *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Bàn Văn N, Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Khánh P, Chu Văn T, Đặng Văn P1 và bị can Chu Hoàng D khai nhận sau khi có hành vi phát phá đào đường, vào cuối năm 2021, các bị cáo đã cùng nhau góp tiền mua giống cây mỡ, khoảng hơn 2000 cây, cùng mang về trồng trên đoạn đường đã khai phá trái

phép, sự việc này được anh Hà Văn D là cán bộ Lâm trường huyện Ngân Sơn thừa nhận tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị tuyên xử các bị cáo phạm tội: *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử lý các bị cáo như sau:

*Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt tiền bị cáo Bàn Văn N từ 60.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt tiền bị cáo Nguyễn Giang S từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt tiền các bị cáo Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1 mỗi bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường, do vậy không đề nghị giải quyết.

*Về xử lý vật chứng: Không đề nghị xem xét, vì vật chứng trong vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã tách ra xử lý trong vụ án vị phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

*Về Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Bàn Văn N và bị cáo Nguyễn Giang S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bàn Văn Kinh, Chu Khánh L, Chu Văn T, Chu Khánh P và Đặng Văn P1.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn P1, Chu Khánh P có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản bào chữa gửi tới Hội đồng xét xử nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo với lý do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh L có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản bào chữa gửi tới Hội đồng xét xử nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo với lý do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo Chu Khánh P, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh L và Đặng Văn P1 vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, các bị cáo đều có ý kiến nhất trí xét xử và không đề nghị hoãn phiên tòa, ngoài ra một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, tuy nhiên không ảnh hưởng tới việc xét xử do vậy Hội đồng xét xử vẫn quyết định xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, biên bản khám nghiệm hiện trường, và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cụ thể vào một ngày cuối tháng 6 năm 2020 tại nhà bị cáo Chu Khánh L ở thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Bị cáo Bàn Văn N bàn bạc với các bị cáo Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1 và bị can Chu Hoàng D vào rừng tự nhiên khai thác gỗ bán cho N. Mọi người nhất trí và cùng thống nhất để N ứng tiền trước thuê máy đào đường sẽ được trừ vào tiền gỗ khai thác được bán cho N. N thuê bị cáo Nguyễn Giang S dùng máy xúc KOBELCO SK 135SR đào mở đường với tiền công là 36.000.000 đồng, quá trình đào đường các bị cáo L, K, P, T, P1 trực tiếp phát tuyến chỉ dẫn cho máy xúc đào đường. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Tuyến đường dài 2.495m với diện tích rừng bị hủy hoại là 8.889,5m^2 , trong đó diện tích rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên có trữ lượng bị hủy hoại là 6.483m^2 .

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ về quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển và bảo vệ rừng, gây tổn hại đến môi trường và làm mất trật tự an ninh địa phương…Vì vậy, do vậy việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung quy định:

"Người nào… có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)…;

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2)đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

…;

4) người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Về vai trò thực hiện tội phạm, xét đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Bàn Văn N là người khởi xướng và thực hành, các bị cáo Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1 thỏa thuận thống nhất thuê máy xúc làm đường để khai thác gỗ, Niệm sẽ ứng tiền trước để trả tiền thuê máy xúc đào đường, sau khi đào đường xong sẽ tiến hành khai thác gỗ bán cho N để trừ vào số tiền thuê máy xúc làm đường. Thực tế khi làm xong tuyến đường L, K, T, P, Phương, D cùng nhau đi khai thác gỗ, đến thời điểm vụ việc bị phát hiện khối lượng gỗ khai thác bán cho N đã đủ tiền thuê máy xúc là 36.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị can D có vai trò thứ yếu trong vụ án, không được tham gia phát tuyến chỉ dẫn cho người lai máy xúc đào đường, sau khi vụ việc bị phát hiện, D đã tự giác đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn tự thú, khai rõ sự việc phạm tội, góp phần vào việc phát hiện và điều tra tội phạm. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã thấy việc miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can Chu Hoàng D là có căn cứ, thể hiện tinh thần nhân đạo, chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Ngày 29/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ra quyết định số 01/QĐ-VKS-P1 đình chỉ đối với bị can Chu Hoàng D về tội: "Hủy hoại rừng".

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đã có bản bào chữa gửi tới Tòa án và đã đưa ra được các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, về việc miễn án phí cho bị cáo, việc đề nghị xem xét áp dụng như vậy là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu này cho các bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều có có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên phạm tội.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình đã gây ra do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với các bị cáo Bàn Văn N, Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Khánh P, Chu Văn T và Đặng Văn P1 sau khi thực hiện hành vi phạm tội, vào thời điểm cuối năm 2021, các bị cáo đã cùng nhau góp tiền mua giống và trồng lại cây (trồng cây mỡ) trên diện tích đất rừng mà các bị cáo đã hủy hoại khi mở đường vào khai thác gỗ trái phép, điều này được anh Hà Anh D, cán bộ Lâm trường huyện Ngân Sơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xác nhận là có sự việc đó tại phiên tòa, điều đó đã thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo và cũng thể hiện việc khắc phục hậu quả do các bị cáo đã gây ra, đây là tình tiết giảm nhẹ mới mà các bị cáo đã cung cấp cho Hội đồng xét xử tại phiên tòa, vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo

Về hình phạt chính:

Qua xem xét thấy bản thân các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đa số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên phạm tội, tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ân hận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của bản thân, đã tự nguyện và ý thức cùng nhau mua cây giống về trồng lại trên diện tích rừng mà các bị cáo đã hủy hoại, điều này được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thừa nhận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt được quy định trong Điều luật để áp dụng cho các bị cáo, qua đó cũng đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội, thể hiện chính sách pháp luật phù hợp với người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Về hình phạt bổ sung: Không xem xét áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Trong vụ án này còn có những vấn đề liên quan:

Đối với Lường Văn C, Bàn Văn C, Bàn Văn C1 là những người lái máy xúc thuê cho Nguyễn Giang S. Quá trình điều tra xác định, diện tích rừng bị hủy hoại của mỗi

người lái máy đào đường chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu cho Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi khai thác gỗ trái phép của Bàn Văn N, Chu Khánh Lâm, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1 và Chu Hoàng D được tách ra giải quyết trong vụ án: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*. Đối với Triệu Văn Đ, Doanh Lâm C, Bàn Văn T và tổ chức, cá nhân có hành vi liên quan sẽ được xem xét đánh giá, xử lý trong vụ án: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

Vụ án *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* đã được Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Xử lý vật chứng trong vụ án:

Vật chứng thu giữ

- 01 chiếc máy xúc bánh xích nhãn hiệu KOBELCO SK135SR màu xanh mà bị cáo Nguyễn Giang S sử dụng để đào mở đường. Qua điều tra xác định chiếc máy xúc nêu trên bị cáo San thuê của ông Đào Quang T, sinh năm 1969 trú tại tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn từ tháng 5/2020, ông T không biết việc Nguyễn Giang S thuê máy xúc đào mở đường trái pháp luật. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc máy xúc cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đào Quang T, việc xử lý vật chứng như vậy là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các vật chứng khác là 02 cưa máy màu đỏ sẫm nhãn hiệu HUSQVA 365S, lam xíc, vỏ lưới lam đã qua sử dụng; 01 giá tời tự chế màu xanh bằng kim loại; 01 dây xích màu đen đã qua sử dụng; 01 đầu nổ tự chế màu đen bằng kim loại nhãn hiệu LYFAN đã qua sử dụng; 02 dây xích bằng kim loại màu đen đã qua sử dụng; 02 kìm kim loại đã qua sử dụng; 02 mỏ lết bằng kim loại đã qua sử dụng; 01 cờ lê 13 bằng kim loại đã qua sử dụng; 01 tắc tơ đầu máy màu đỏ sẫm, thùng màu xanh đã qua sử dụng; 157,849m^3 gỗ trên rừng; 15,501m^3 gỗ tạm giữ tại Hạt Kiểm lâm; 01 xe tắc tơ của Triệu Văn Đ, tổng số 11 khoản. Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý trong vụ án: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Bàn Văn N và Nguyễn Giang S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P và Đặng Văn P1 đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, và có đơn xin miễn án phí, do vậy cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 17, Điều 35, điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để áp dụng đối với các bị cáo Bàn Văn N, Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P và Đặng Văn P1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 17, Điều 35, điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 58, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Giang S.

1. Tuyên bố các bị cáo Bàn Văn N, Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P, Đặng Văn P1 và Nguyễn Giang S phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

2. Về hình phạt

2.1. Hình phạt chính:

- Phạt tiền bị cáo Bàn Văn N 65.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Giang S 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Chu Khánh L 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Bàn Văn K 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Chu Văn T 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Chu Khánh P 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Đặng Văn P1 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí:

5.1. Các bị cáo Bàn Văn N và Nguyễn Giang S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chu Khánh L, Bàn Văn K, Chu Văn T, Chu Khánh P và Đặng Văn P1.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doanh Thiêm Vân **Hoàng Thị Huyên** **Nguyễn Thái Công**